

BÁO CÁO TUẦN NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ



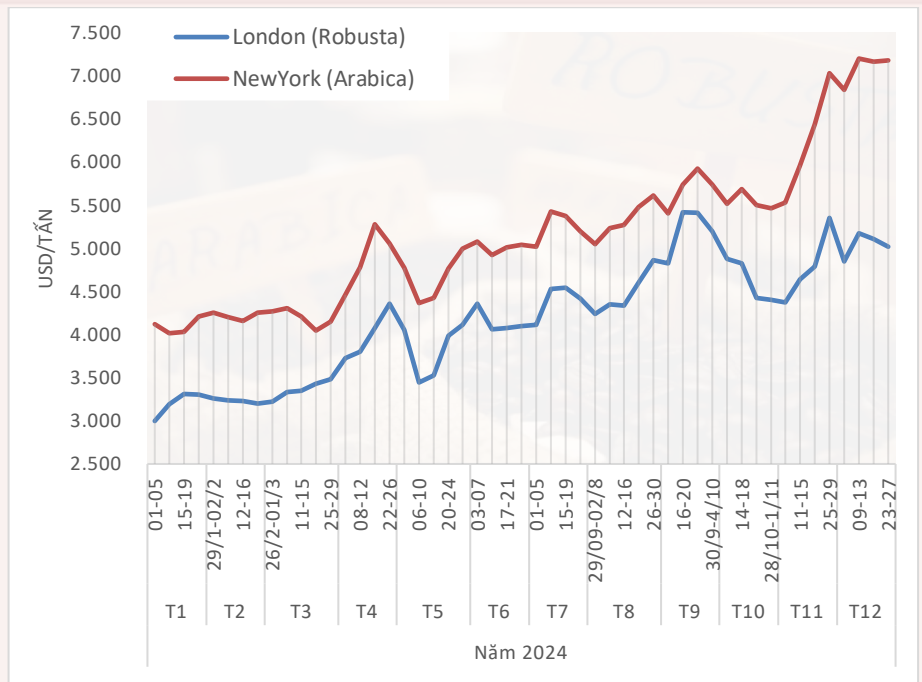
AGRO INFO

Báo cáo số 49 (30/12/2024)

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2025 tại thị trường London đạt mức bình quân từ ngày 16 đến 27/12/2024 đạt 5.064 USD/tấn, giảm 2,1% so với tuần 50/2024.
- ❖ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2025 tại thị trường New York đạt mức bình quân 7.170 USD/tấn, giảm 0,4% so so với tuần 50/2024.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Trong hai tuần từ ngày 16 đến 27/12/2024, giá cà phê thế giới giảm tại hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3/2025 tại thị trường London đạt 5.064 USD/tấn, giảm 2,1% so với tuần 50 (từ 9-13/12/2024) và tăng 75% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 5.203 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.953 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2025 bình quân đạt 7.170 USD/tấn, giảm 0,4% so với mức giá tuần 50/2024, và tăng 65% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cao nhất trong tuần đạt 7.345 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.033 USD/tấn. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ QUỐC TẾ

Sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2024/2025

Theo báo cáo định kỳ của USDA, sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2024-2025 được dự báo đạt 174,9 triệu bao loại 60kg, tăng 6,9 triệu bao so với niên vụ 2023-2024. Chủ yếu là do sản lượng phục hồi tại Việt Nam và Indonesia.

Trong đó, sản lượng cà phê Arabica toàn cầu dự kiến tăng 1,5% lên hơn 97,8 triệu bao và sản lượng cà phê Robusta tăng 7,5% lên 77,01 triệu bao.[2]

Brazil

Sản lượng của Brazil – nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới dự báo sẽ chỉ tăng nhẹ 100.000 bao so với niên vụ trước, lên mức 66,4 triệu bao trong niên vụ 2024-2025. Trong đó, sản lượng cà phê Arabica của Brazil dự kiến tăng 500.000 bao lên 45,4 triệu bao; còn sản lượng Robusta giảm 400.000 bao xuống 21 triệu bao.[3]

Theo USDA, hạn hán và nhiệt độ cao trong giai đoạn phát triển trái cà phê đã khiến năng suất Arabica và Robusta giảm so với các dự báo ban đầu. Với sản lượng gần như không thay đổi, xuất khẩu cà phê nhân của Brazil được dự báo giảm 2,6 triệu bao, xuống còn 40,5 triệu bao trong niên vụ 2024-2025, chủ yếu do lượng hàng tồn kho từ năm trước đã được sử dụng, làm giảm tổng nguồn cung. [3]

Colombia

Sản lượng cà phê Arabica của Colombia được dự báo tăng 100.000 bao, đạt 12,9 triệu bao nhờ điều kiện trồng trọt thuận lợi và năng suất được cải thiện. Xuất khẩu cà phê nhân của Colombia, chủ yếu sang Mỹ và Liên minh châu Âu, được dự báo tăng 200.000 bao, đạt 10,9 triệu bao nhờ nguồn cung tăng nhẹ và nhu cầu ổn định. [3]

Trung Mỹ và Mexico

Sản lượng cà phê tại Trung Mỹ và Mexico được dự báo tăng 600.000 bao, đạt 17 triệu bao, chiếm 95% trong số đó là Arabica. [3]

Sản lượng của Honduras được dự báo tăng 300.000 bao, đạt 5,3 triệu bao, và Nicaragua dự kiến tăng 300.000 bao, đạt 2,7 triệu bao nhờ năng suất cải thiện. Sản lượng tại Costa Rica, El Salvador, Guatemala, Mexico và Panama dự kiến giữ nguyên. [3]

Xuất khẩu cà phê nhân của khu vực được dự báo tăng 800.000 bao, đạt 13,7 triệu bao, nhờ nguồn cung tăng tại Honduras và Nicaragua. [3]

Indonesia

Sản lượng cà phê Arabica và Robusta của Indonesia được dự báo phục hồi và tăng gần 2,8 triệu bao trong niên vụ 2024 - 2025, đạt 10,9 triệu bao. [3]

Trong đó, sản lượng Robusta được dự báo tăng 2,7 triệu bao lên 9,5 triệu bao nhờ điều kiện trồng trọt thuận lợi tại các vùng thấp của Nam Sumatra và Java, nơi chiếm khoảng 75% diện tích trồng. Vụ mùa năm ngoái bị ảnh hưởng bởi mưa quá mức trong giai đoạn phát triển quả, gây điều kiện không tối ưu cho thụ phấn. Sản lượng Arabica cũng được dự kiến tăng nhẹ, đạt 1,4 triệu bao. Sản lượng phục hồi được kỳ vọng sẽ thúc đẩy xuất khẩu tăng 2,2 triệu bao, đạt 6,5 triệu bao. [3]

Đình công của Starbucks mở rộng đến hơn 300 cửa hàng Hoa Kỳ vào đêm Giáng sinh.

Vào ngày 24/12/2024, một cuộc đình công lớn tại Starbucks đã mở rộng đến hơn 300 cửa hàng tại Mỹ, với hơn 5.000 nhân viên tham gia. Đây được dự báo là cuộc đình công lớn nhất từ trước đến nay của chuỗi cà phê này, theo thông báo từ tổ chức công đoàn Starbucks Workers United. Cuộc đình công, kéo dài 5 ngày, kết thúc vào đêm Giáng sinh, được tiến hành tại 45 bang, bao gồm các thành phố lớn như New York, Los Angeles, Boston và Seattle, nhằm yêu cầu tăng lương, cải thiện nhân sự và lịch làm việc.

Starbucks, với hơn 10.000 cửa hàng trên toàn quốc, thông báo rằng 98% cửa hàng vẫn hoạt động, chỉ có khoảng 170 cửa hàng phải đóng cửa. Tuy nhiên, công đoàn tuyên bố hơn 290 cửa hàng đã bị đóng cửa hoàn toàn do đình công. Cuộc đình công bắt đầu từ ngày 20/12 sau khi các cuộc đàm phán giữa Starbucks và công đoàn không đạt được thỏa thuận.

Nguồn tham khảo:

[1]: <https://www.investing.com>

[2]: thesaigontimes.vn

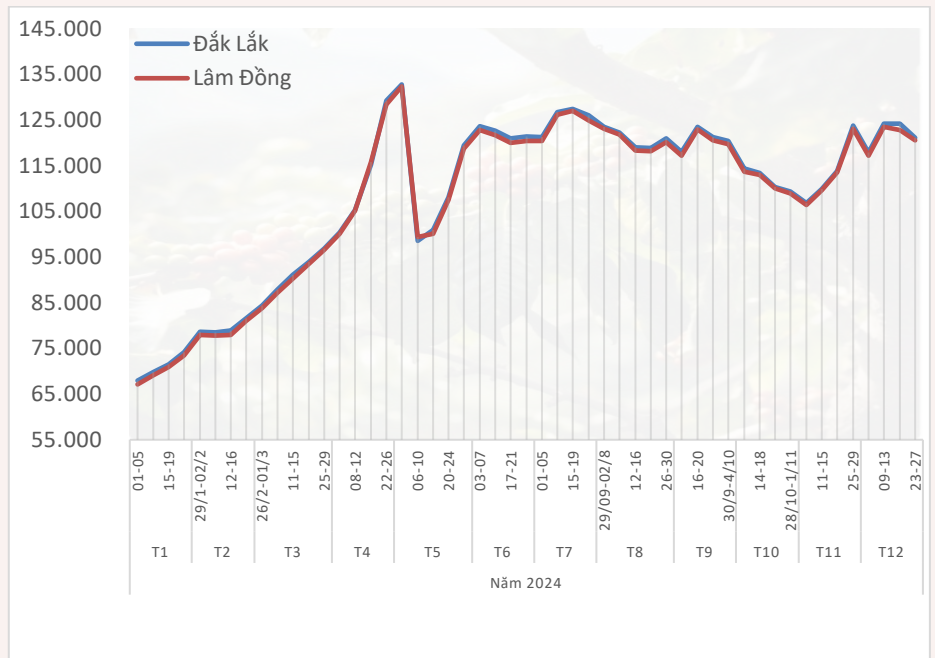
[3]: [USDA](https://www.usda.gov)

[4]: [reuters.com](https://www.reuters.com)

ĐIỂM TIN

- ❖ Giá cà phê trung bình tại Tây Nguyên tăng so với tuần trước.
- ❖ Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2024/2025 được dự báo tăng trưởng mạnh. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng đạt 30,1 triệu bao, tăng 9,45% so với niên vụ trước.
- ❖ Xuất khẩu cà phê 11 tháng năm 2024 đạt gần 1,2 triệu tấn với kim ngạch 4,84 tỷ USD.
- ❖ Trong niên vụ 2023/2024, tổng diện tích cà phê Đắk Lắk đạt 212.106 ha, trong đó diện tích cho sản phẩm là 200.441 ha, giảm 400 ha so với niên vụ trước.
- ❖ Quảng Trị đẩy mạnh tái canh và xây dựng chuỗi giá trị bền vững cho cà phê, hướng tới nâng cao năng suất, chất lượng và thương hiệu "Cà phê Khe Sanh".

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

DIỄN BIẾN GIÁ TRUNG BÌNH TẠI MỘT SỐ TỈNH

Trong tuần 16 đến 23/12/2024, giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giảm so với tuần 50 (từ 9-13/12/2024) năm 2024. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 122.627 VNĐ/kg, giảm 1,3% so với tuần 50 (từ 9-13/12/2024), và tăng 80,2% so với cùng kỳ năm 2023. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 124.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 120.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 121.700 VNĐ/kg, giảm 1,5% so với tuần 50 (từ 9-13/12/2024), và tăng 80,7% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 124.400 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 120.500 VNĐ/kg. [1]

MỘT SỐ SỰ KIỆN TRÊN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Xuất khẩu cà phê Việt Nam 15 ngày tháng 12 năm 2024

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong 15 ngày đầu tháng 12/2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 48.371 tấn, tương ứng với kim ngạch 263,6 triệu USD. So với cùng kỳ năm 2023, lượng xuất khẩu giảm mạnh 51,5%, trong khi kim ngạch chỉ giảm 6,5%, phản ánh sự biến động đáng kể trong thị trường cà phê. Đáng chú ý, tháng 11/2024 cũng ghi nhận mức xuất khẩu thấp nhất trong hơn 15 năm

qua. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn từ đầu năm đến hết ngày 15/12/2024, tổng lượng cà phê xuất khẩu đạt 1,26 triệu tấn, với kim ngạch kỷ lục 5,2 tỷ USD. So với cùng kỳ năm trước, mặc dù lượng xuất khẩu giảm 16,5%, kim ngạch lại tăng 32,4%. Điều này chủ yếu được thúc đẩy bởi sự gia tăng đáng kể của giá cà phê trên thị trường quốc tế, bất chấp sự sụt giảm về sản lượng trong niên vụ 2023-2024. Giá xuất khẩu cà phê bình quân trong năm 2024 đạt 4.105 USD/tấn, tăng 58,5% so với cùng kỳ năm 2023. Riêng trong 15 ngày đầu tháng 12, giá xuất khẩu đạt trung bình 5.450 USD/tấn, giảm nhẹ 2,3% so với tháng trước nhưng vẫn tăng tới 92% so với nửa đầu tháng 12 năm trước.[2]

Ra mắt hệ thống cơ sở dữ liệu thích ứng EUDR.

Chiều 17/12, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với IDH (Hà Lan) tổ chức lễ chuyển giao kết quả thí điểm hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) rừng và vùng trồng cà phê tuân thủ quy định không gây mất rừng của Liên minh Châu Âu (EUDR). Dự án được triển khai theo mô hình hợp tác công-tư, bao gồm xây dựng CSDL rừng và cà phê, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, và hỗ trợ nông hộ trồng cà phê gần rừng.[3]

Sau hơn 1 năm thử nghiệm tại Lâm Đồng và Đắk Lắk, dự án đã thu thập dữ liệu cho 130.000ha rừng và 136.000ha cà phê, đồng thời mở rộng sang Gia Lai với 30.000ha rừng và 4.000ha cà phê. Hệ thống này hướng tới truy xuất nguồn gốc vật lý từ nông hộ đến sản phẩm, đồng thời giúp Việt Nam chuẩn bị cho việc thực hiện EUDR vào năm 2025 và các quy định tiếp theo của EU. Giai đoạn mở rộng từ năm 2025 sẽ tích hợp CSDL vùng trồng vào hệ thống quốc gia, đảm bảo minh bạch và giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng cà phê. Ông Nguyễn Đỗ Anh Tuấn, Vụ trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế, khẳng định hệ thống không chỉ đáp ứng yêu cầu EUDR mà còn tạo tiền đề nhân rộng cho các ngành nông nghiệp khác.[3]

Thúc đẩy sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trách nhiệm trong sản xuất cà phê.

Ngày 12/12, Cục Bảo vệ thực vật phối hợp với Diễn đàn cà phê toàn cầu (GCP) tổ chức sơ kết đánh giá kết quả phi dự án “Đánh giá tác động của việc trồng xen trong vườn cà phê đến sinh vật gây hại và thúc đẩy sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) có trách nhiệm” tại Tây Nguyên. Phi dự án được thực hiện tại Kon Tum, Đắk Lắk và Lâm Đồng từ tháng 1/2024 đến tháng 6/2025, nhằm phát triển sản xuất cà phê bền vững.[4]

Năm 2024, dự án đã tiến hành điều tra sinh vật gây hại và thiên địch, xây dựng danh mục quản lý sinh vật gây hại trên mô hình cà phê trồng xen cây sầu riêng, hồ tiêu. Đồng thời, khảo sát việc sử dụng thuốc BVTV, đánh giá tác động của thuốc đến cà phê và cây trồng xen, đề xuất các hoạt chất an toàn. Trung tâm Bảo vệ thực vật miền Trung cũng tổ chức tập huấn cho cán bộ và nông dân, nâng cao nhận thức và kỹ năng quản lý sinh vật gây hại theo IPHM, giảm tần suất sử dụng thuốc hóa học và cải thiện chất lượng sản phẩm.[4]

Kết quả nghiên cứu đã giúp tăng hiệu quả phòng trừ sinh vật gây hại, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh tế, đồng thời thúc đẩy sản xuất cà phê bền vững. Việc sử dụng hợp lý vật tư nông nghiệp đảm bảo năng suất lâu dài, giảm tác động tiêu cực đến môi trường, đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của thị trường xuất khẩu như EU và Hoa Kỳ. Điều này góp phần bảo vệ xuất khẩu cà phê Việt Nam và nâng cao thu nhập của nông dân trồng cà phê.[4]

Nguồn tham khảo:

- [1]: Cộng tác viên tại Tây Nguyên
- [2]: nongnghiep.vn
- [3]: [Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn](#)
- [4]: nongnghiep.vn

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	120.500	120.500	120.600	120.600	121.000	120.640	-2.120
Di Linh	120.500	120.500	120.600	120.600	121.000	120.640	-2.120
Lâm Hà	120.500	120.500	120.600	120.600	121.000	120.640	-2.120
Bảo Lộc	120.500	120.500	120.600	120.600	121.000	120.640	-2.120
ĐẮK LẮK	120.933	120.933	121.033	121.033	121.433	121.073	-3.107
Cư M'gar	121.000	121.000	121.100	121.100	121.500	121.140	-3.080
Ea H'leo	120.900	120.900	121.000	121.000	121.400	121.040	-3.120
Buôn Hồ	120.900	120.900	121.000	121.000	121.400	121.040	-3.120
ĐẮK NÔNG	121.250	121.250	121.350	121.350	121.650	121.370	-2.920
Gia Nghĩa	121.300	121.300	121.400	121.400	121.700	121.420	-2.920
Đắk R'lấp	121.200	121.200	121.300	121.300	121.600	121.320	-2.920
GIA LAI	120.933	120.933	121.033	121.033	121.333	121.053	-2.967
Chư Prông	121.000	121.000	121.100	121.100	121.400	121.120	-2.940
Pleiku	120.900	120.900	121.000	121.000	121.300	121.020	-2.980
La Grai	120.900	120.900	121.000	121.000	121.300	121.020	-2.980
KON TUM	120.900	120.900	120.900	120.900	121.400	121.000	-3.060
Đắk Hà	120.900	120.900	120.900	120.900	121.400	121.000	-3.060

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com



Bản tin được thực hiện bởi **AGROiNFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn